

Số: **2222**/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **30** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở kỳ 05 năm 2021-2025
và năm đầu kỳ (năm 2021) của tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 16 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ bổ sung điều chỉnh Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1800/TTr-SXD ngày 21 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển nhà ở kỳ 05 năm 2021-2025 và năm đầu kỳ (năm 2021) của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *luu*

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN&XD, KT, KGVX. *✓*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Việt Hùng

KẾ HOẠCH

Phát triển nhà ở kỳ 05 năm 2021-2025 và năm đầu kỳ (năm 2021) của tỉnh Thái Nguyên

*(Kèm theo Quyết định số 2.222/QĐ-UBND ngày 30./6/2021 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Trên cơ sở Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2040 đã được phê duyệt, nhằm cụ thể hóa việc thực hiện các mục tiêu phát triển nhà ở của tỉnh. Xác định được tỷ lệ các loại nhà ở cần đầu tư xây dựng trong giai đoạn 2021-2025 và năm 2021.

- Xác định vị trí, khu vực, quy mô các dự án phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và năm 2021, từ đó xác định tỷ lệ, số lượng, diện tích sàn xây dựng các loại nhà ở cần phát triển và dự báo diện tích đất, nhu cầu vốn dành cho phát triển nhà ở năm 2021 và giai đoạn 2021-2025.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh phải đảm bảo phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh đã được phê duyệt và phù hợp với nhu cầu thực tế về nhà ở của tỉnh; đảm bảo tuân thủ pháp luật về nhà ở, quy hoạch, kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định phạm pháp luật hiện hành.

- Các chỉ tiêu phát triển nhà ở trong Kế hoạch phải được xác định là một trong những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong từng thời kỳ, giai đoạn.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025

1.1. Định hướng khu vực phát triển cụ thể

a) Khu vực phía Nam và đường vành đai V (thành phố Thái Nguyên - thành phố Sông Công - thị xã Phổ Yên - huyện Phú Bình) - vùng đô thị hóa, công nghiệp và dịch vụ

- Phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp quy hoạch chung xây dựng thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên theo hướng đô thị thông minh, phát triển nhà ở theo hướng văn minh hiện đại, có bản sắc, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, đẩy mạnh phát triển loại hình nhà ở chung cư theo hướng tăng tỷ lệ nhà ở chung cư trong tổng số nhà ở mới phát triển hàng năm (đặc biệt đối với thành phố Thái Nguyên); hạn chế việc phân lô bán nền tại các dự án.

- Khuyến khích phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp, công nhân Khu công nghiệp theo mô hình tập trung.

- Phát triển các khu đô thị, dự án nhà ở bám dọc theo tuyến đường giao thông quan trọng sẽ hình thành trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Nâng cấp cải tạo các khu nhà ở hiện có kết hợp với chỉnh trang đô thị.

b) Khu vực phía Tây Bắc (huyện Phú Lương - huyện Định Hóa - huyện Đại Từ) - vùng công nghiệp (chế biến chè, khai khoáng...), dịch vụ du lịch và nông nghiệp

- Quy hoạch, định hướng phát triển nhà ở tại khu vực đô thị theo mô hình khu dân cư đô thị tập trung, tránh tình trạng nhà ở và không gian đô thị chỉ phát triển bám dọc theo các trục giao thông đặc biệt là tỉnh lộ, huyện lộ.

- Phát triển nhà ở theo hướng giữ mật độ xây dựng thấp, tạo môi trường và cảnh quan trong khu vực.

- Phát triển nhà ở thương mại, nghỉ dưỡng gắn với phát triển du lịch sinh thái khu vực An toàn khu Việt Bắc - ATK, khu di tích Đền Đuổm, hướng tới xu hướng kiến trúc xanh, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường.

- Phát triển nhà ở khu vực nông thôn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới; phát triển theo mô hình nhà ở sinh thái, gắn liền với sản xuất nông nghiệp.

c) Khu vực phía Đông Bắc (huyện Võ Nhai - huyện Đông Hỷ) - vùng nông, lâm nghiệp và công nghiệp khai khoáng.

- Quy hoạch, định hướng phát triển nhà ở khu vực đô thị theo mô hình khu đô thị tập trung, tránh tình trạng nhà ở và không gian đô thị chỉ phát triển bám dọc theo các trục giao thông đặc biệt là tỉnh lộ, huyện lộ.

- Phát triển nhà ở theo hướng giữ mật độ xây dựng thấp, tạo môi trường và cảnh quan trong khu vực.

- Quy hoạch, phát triển nhà ở xã hội cho đối tượng công nhân, người lao động làm việc tại các mỏ khai thác, chế biến khoáng sản, người lao động làm việc trên địa bàn trong giai đoạn tới.

- Phát triển nhà ở khu vực nông thôn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới; phát triển theo mô hình nhà ở sinh thái, gắn liền với sản xuất nông, lâm nghiệp.

1.2. Kế hoạch thực hiện phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025

a) Về diện tích nhà ở giai đoạn 2021-2025:

- Đến năm 2025 diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 29,5m² sàn/người; khu vực đô thị là 35m² sàn/người, khu vực nông thôn là 25,8m² sàn/người.

- Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm là 6.562.256m², tương ứng với tổng số căn hộ hoàn thành là 51.495 căn, trong đó:

+ Nhà ở thương mại, khu đô thị: Diện tích sàn là 2.279.059m² (chiếm tỷ lệ 37,7 %), với số căn hộ là 15.194 căn (từ dự án đang thực hiện là 1.807.144m², với số căn là 12.048 căn; từ dự án phát triển mới là 471.915m², với số căn là 3.146 căn).

+ Nhà ở xã hội: Diện tích sàn là 121.900m² (chiếm tỷ lệ 1,9%), với số căn hộ là 1.741 căn (từ dự án đang thực hiện là 46.400m², với số căn là 663 căn; từ dự án phát triển mới là 75.500m², với số căn là 1.078 căn).

+ Nhà ở tái định cư: Diện tích sàn là 976.881m² (chiếm tỷ lệ 14,9%), với số căn hộ là 8.141 căn (từ dự án đang thực hiện là 806.881m², với số căn là 6.724 căn; từ dự án phát triển mới là 170.000m², với số căn là 1.417 căn).

+ Nhà ở do hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng: Diện tích sàn là 3.184.416m² (chiếm tỷ lệ 48,5%), với số căn hộ là 26.419 căn.

b) Nguồn vốn để phát triển nhà ở cho giai đoạn 2021-2025:

Tổng nhu cầu vốn dự kiến là 46.717 tỷ đồng, trong đó:

STT	Các loại nhà ở	Quy mô (m ² sàn)	Suất vốn đầu tư (triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021 -2025 (tỷ đồng)				
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Doanh nghiệp	Người dân	Tổng
I	Nhà ở thương mại	2.279.059	8,37	0	0	19.076	0	19.076
II	Nhà ở xã hội	121.900	8,90	0	0	1.085	0	1.085
III	Nhà ở tái định cư	976.881	7,3	0	0		7.131	7.131
IV	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	3.184.416	6,1	0	0	0	19.425	19.425
Tổng cộng		6.562.256		0	0	20.161	26.556	46.717

c) Nhu cầu về diện tích đất:

Tổng nhu cầu diện tích đất để phát triển nhà ở là 7.426,2ha, gồm:

- Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở thương mại là 6.266,2ha, trong đó:

+ Dự án đang xây dựng là 1.593,4ha;

+ Dự án phát triển mới là 4.672,8ha.

- Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội là 380,3ha, trong đó:

- + Dự án đang xây dựng là 28,4ha;
- + Dự án phát triển mới là 351,9ha.
- Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở tái định cư là 779,7ha, trong đó:
 - + Dự án đang xây dựng là 213,4ha;
 - + Dự án phát triển mới là 566,3ha.

2. Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021

2.1. Vị trí, khu vực, số lượng dự án phát triển nhà ở năm 2021

Vị trí, khu vực dự kiến thực hiện dự án phát triển nhà ở thực hiện năm 2021 theo Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo.

2.2. Kế hoạch thực hiện phát triển nhà ở năm 2021

a) Về diện tích nhà ở:

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 26,6m² sàn/người; khu vực đô thị là 33m² sàn/người, khu vực nông thôn là 23,2m² sàn/người.

- Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm là 1.012.840m², tương ứng với tổng số căn hộ hoàn thành là 7.966 căn, trong đó:

+ Nhà ở thương mại, khu đô thị: Diện tích sàn là 270.486m² (chiếm tỷ lệ 26,7%), với số căn hộ là 1.803 căn (từ dự án đang thực hiện).

+ Nhà ở tái định cư: Diện tích sàn là 105.471m² (chiếm tỷ lệ 10,4%), với số căn hộ là 880 căn (từ dự án đang thực hiện).

+ Nhà ở do hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng: Diện tích sàn là 636.883m² (chiếm tỷ lệ 62,9%), với số căn hộ là 5.283 căn.

b) Nguồn vốn để phát triển nhà ở năm 2021:

Tổng nhu cầu vốn dự kiến là 6.919 tỷ đồng, trong đó:

STT	Các loại nhà ở	Quy mô (m ² sàn)	Suất vốn đầu tư (triệu đồng)	Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021 -2025 (tỷ đồng)				
				Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Doanh nghiệp	Người dân	Tổng
I	Nhà ở thương mại	270.486	8,37	0	0	2.264	0	2.264
II	Nhà ở xã hội	0	8,90	0	0	0	0	0
III	Nhà ở TĐC	105.471	7,3	0	0	0	770	770
IV	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	636.883	6,1	0	0	0	3.885	3.885
Tổng cộng		1.012.840		0	0	2.264	4.655	6.919

c) Nhu cầu về diện tích đất:

Tổng nhu cầu diện tích đất dự kiến để thực hiện các dự án phát triển nhà ở là 6.130,54 ha, gồm:

- Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở thương mại là 5.572,83ha, trong đó:

+ Dự án đang xây dựng là 1.593,4ha;

+ Dự án phát triển mới là 3.979,43ha.

- Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội là 32,6ha, trong đó:

+ Dự án đang xây dựng là 28,4ha;

+ Dự án phát triển mới là 4,2ha.

- Quỹ đất dành cho phát triển nhà ở tái định cư là 525,11ha, trong đó:

+ Dự án đang xây dựng là 213,4ha;

+ Dự án phát triển mới là 311,71ha.

(Có biểu phân bố kế hoạch phát triển nhà ở của từng địa phương theo tổng diện tích sàn và số lượng căn hộ theo từng năm tại Phụ lục số 04 kèm theo).

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch

3.1. Giải pháp chung

- Tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở thương mại để bán, cho thuê, cho thuê mua theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của mỗi khu vực và từng thời kỳ của tỉnh.

- Triển khai các cơ chế, chính sách, thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu của Trung ương và của tỉnh để hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội nhằm giải quyết chỗ ở cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội có khó khăn về nhà ở nhưng không đủ khả năng thanh toán theo cơ chế thị trường trên địa bàn. Trong đó, tập trung rà soát số lượng các đối tượng cần hỗ trợ về nhà ở để chủ động bố trí đủ quỹ đất, kế hoạch vốn ngân sách cho đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

- Đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở, đặc biệt là chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để các cấp, các ngành chỉ đạo điều hành đảm bảo phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện thực tế của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực nhà ở; tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Giải pháp về đất ở

- Dành quỹ đất cho việc phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch phân khu đã

được phê duyệt, trong đó đặc biệt quan tâm tới quỹ đất, quỹ nhà ở để bố trí tái định cư và chủ động trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị và các công trình, dự án trọng điểm khác trên địa bàn.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp, bố trí lại quỹ nhà, đất không phù hợp quy hoạch để chuyển đổi mục đích sử dụng. Đối với một số địa phương có nhu cầu nhà ở tăng mạnh (thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên), nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, tăng diện tích đất ở tại các địa phương này để phù hợp với nhu cầu xây dựng nhà ở trong các khu, các điểm dân cư và khu đô thị đã được phê duyệt, phù hợp với quy hoạch phát triển của từng địa phương.

- Xây dựng, rà soát quy hoạch sử dụng đất, trong đó chú trọng dành quỹ đất 20% trong các dự án nhà ở, khu đô thị thuộc các khu vực đô thị từ loại III trở lên, hoặc các khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp để phát triển nhà ở xã hội dành cho đối tượng người có thu nhập thấp, công nhân lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn. Xác định rõ vị trí và ưu tiên sử dụng quỹ đất sạch do địa phương đang quản lý để thực hiện các dự án nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngân sách.

- Tập trung khai thác có hiệu quả nguồn lực về đất đai để huy động các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở; tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên, địa hình để quy hoạch phát triển nhà ở, khu dân cư, khu đô thị mới với các loại hình nhà ở phù hợp. Kết hợp đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với khai thác tiềm năng đất đai, đấu giá quyền sử dụng đất tại những vị trí thuận lợi, vừa tăng được nguồn thu ngân sách cho Nhà nước, vừa đầu tư xây dựng được hệ thống hạ tầng giao thông kết nối tại khu vực.

- Quy định cụ thể những khu vực đô thị, khu vực nông thôn được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Luật Đất đai.

3.3. Giải pháp về vốn và tài chính để phát triển nhà ở

- Đa dạng hóa các nguồn vốn để đầu tư phát triển nhà ở, các khu đô thị.

- Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các phương thức đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, chủ yếu sử dụng vốn ngoài ngân sách; ưu tiên sử dụng vốn ngân sách để đầu tư xây dựng các công trình nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước để cho thuê.

- Ủy thác nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để ưu tiên cho đối tượng là cán bộ công chức, viên chức, công nhân có nhu cầu về nhà ở xã hội vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

- Nghiên cứu thí điểm các cơ chế cho phép các dự án nhà ở thương mại giá thấp và nhà ở cho thuê được đóng tiền sử dụng đất theo từng năm để giảm áp lực tài chính cho chủ đầu tư.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế sử dụng vốn chủ sở hữu, vốn vay ngân hàng và nguồn vốn huy động hợp pháp để đầu tư xây dựng nhà ở, các khu đô thị mới, đặc biệt là nhà ở xã hội.

- Nghiên cứu thí điểm cơ chế quy định doanh nghiệp có sử dụng lao động trong các khu công nghiệp phải đóng góp lợi tức để tạo lập quỹ đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân.

- Xem xét, mở rộng chính sách hỗ trợ cho vay vốn đối với các hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà trọ cho công nhân, người lao động, sinh viên thuê trên địa bàn.

- Lồng ghép vào trong các chương trình mục tiêu hỗ trợ nhà ở của Trung ương để xây dựng, cải tạo nhà ở cho các đối tượng có khó khăn về nhà ở, nhằm tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các chương trình mục tiêu.

3.4. Giải pháp phát triển nhà ở cho các đối tượng xã hội

a) Đối với công nhân lao động tại các khu công nghiệp, đối tượng người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị

- Quy hoạch tạo quỹ đất xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp tại đô thị, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các công trình công cộng. Ưu tiên dành quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở cho đối tượng người có thu nhập thấp; khuyến khích phát triển loại hình nhà ở nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá thấp và nhà ở cho thuê đáp ứng nhu cầu cho đối tượng công nhân, thu nhập thấp trên địa bàn; khuyến khích, hỗ trợ các chủ đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân lao động tại các khu công nghiệp.

- Xây dựng Đề án phát triển nhà ở xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn để từ đó đặt ra mục tiêu, định hướng và thu hút đầu tư phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh, từng bước giải quyết nhu cầu về nhà ở cho người thu nhập thấp khu vực đô thị và công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp tập trung được mua, thuê mua, thuê nhà ở.

b) Đối với đối tượng người có công với cách mạng

Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo các cơ chế, chính sách mà Trung ương ban hành; có chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng trên địa bàn bằng nguồn vốn ngân sách của tỉnh. Phần đầu trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 2.913 hộ gia đình người có công với cách mạng.

c) Đối với đối tượng là người nghèo khu vực nông thôn

Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn theo các Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ; kết hợp linh hoạt giữa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã ban hành và sự tham gia của các tổ chức

chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân thông qua các hình thức như hỗ trợ kinh phí, vật liệu, nhân công trong xây dựng nhà ở hoặc tặng nhà ở đại đoàn kết.

d) Đối với các hộ nghèo đô thị gặp khó khăn về nhà ở thì việc hỗ trợ nhà ở giải quyết theo hướng

Đối với các trường hợp đã có nhà ở, nhưng là nhà tạm, hư hỏng, dột nát thì Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, công đoàn, cộng đồng hỗ trợ một phần kinh phí, kết hợp cho vay ưu đãi để các hộ tự cải tạo, sửa chữa nhà ở; đối với các hộ nghèo đặc biệt khó khăn thì thực hiện theo nguyên tắc Nhà nước, cộng đồng, các tổ chức kinh tế - xã hội xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương để giúp họ có chỗ ở phù hợp.

e) Các nhóm đối tượng còn lại theo Điều 49 Luật Nhà ở

Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các phương thức đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho những đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định, chủ yếu sử dụng vốn ngoài ngân sách; ưu tiên sử dụng vốn ngân sách để đầu tư xây dựng các nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước để cho thuê.

3.5. Các nhóm giải pháp khác

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao năng lực tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về nhà ở

- Tiếp tục rà soát, tham gia sửa đổi, hoàn thiện, đồng bộ hệ thống pháp luật về nhà ở, đầu tư, đất đai..., nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch các cấp. Đề xuất ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi riêng của tỉnh nhằm thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực tham gia phát triển nhà ở, phát triển đô thị.

- Tập trung củng cố, tăng cường năng lực quản lý của phòng chức năng quản lý nhà ở thuộc Sở Xây dựng và các địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ về quản lý nhà ở cho cán bộ, công chức làm việc trong lĩnh vực nhà ở các cấp và các chủ thể tham gia thị trường bất động sản.

b) Cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát trong xây dựng và thực thi pháp luật về nhà ở

- Giảm thiểu thời gian thực hiện các thủ tục hành chính để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển nhà ở; nghiên cứu cắt giảm các thủ tục, thời gian thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, đầu tư, xây dựng, bất động sản,... đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghệ 4.0.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phát triển nhà ở, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về nhà ở, xây dựng; kiểm tra, giám sát việc công khai thông tin quy hoạch và dự án phát triển nhà ở theo đúng quy định của pháp luật

c) Tuyên truyền, vận động

Tăng cường tuyên truyền, vận động các tầng lớp dân cư thay đổi phương thức, tập quán từ sở hữu chuyển sang hình thức thuê nhà, từ hình thức ở nhà riêng lẻ chuyển sang căn hộ chung cư để phù hợp với điều kiện thu nhập của hộ gia đình, cá nhân và tiếp cận với cuộc sống đô thị. Phát huy sức mạnh cộng đồng trong phát triển nhà ở đặc biệt là hỗ trợ các đối tượng chính sách xã hội, các hộ thu nhập thấp khu vực đô thị, nông thôn cải thiện chỗ ở; các hộ gia đình khu vực nông thôn tham gia hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong việc cải tạo, xây dựng nhà ở.

d) Giải pháp về quy hoạch

Xác định địa bàn các khu vực đặc thù, khu vực có yêu cầu ưu tiên quản lý; quy định đối với những khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị được duyệt; quy định về quản lý cảnh quan, kiến trúc đô thị cho khu vực mới phát triển, các khu vực bảo tồn để cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị.

e) Về kiến trúc nhà ở

Ban hành các thiết kế mẫu nhà ở phù hợp với tập quán sinh hoạt, điều kiện sản xuất và truyền thống văn hóa của các vùng, miền; có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu để người dân tham khảo, áp dụng trong xây dựng nhà ở. Khi thực hiện xây dựng các khu nhà ở, ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; công trình công cộng nhiều không gian thoáng mát, môi trường sống trong lành; thiết kế căn hộ phù hợp; đảm bảo công năng sử dụng, cũng như việc lắp đặt thiết bị bên trong căn hộ.

f) Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý, quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở; công khai hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản, minh bạch các dự án nhà ở trên phương tiện thông tin đại chúng để tất cả các đối tượng có nhu cầu nắm bắt thông tin.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; thường xuyên kiểm tra, rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thực tế của tỉnh;

- Phối hợp tham mưu đề xuất UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở, khu đô thị theo quy định của pháp luật về nhà ở; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà ở xã hội theo quy định;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập kế hoạch hằng năm việc hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng và hộ nghèo theo quy định;

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu xây dựng đề án hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc UBND các huyện, thành phố, thị xã và chủ đầu tư báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các dự án dự kiến hoàn thành và các dự án đã được quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở hằng năm trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu việc bố trí kinh phí xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở hằng năm;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh về việc thu, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ việc các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô dưới 5ha thực hiện nghĩa vụ tài chính bằng hình thức nộp tiền tương đương với giá trị quỹ đất 20% dành cho phát triển nhà ở xã hội;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng khung giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội trình UBND tỉnh quyết định.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, bổ sung, cập nhật các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển nhà ở vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

- Báo cáo, cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cân đối quỹ đất phát triển nhà ở và quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội phù hợp với kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, rà soát quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện để giao cho các chủ đầu tư khác thực hiện đáp ứng yêu cầu tiến độ.

- Báo cáo, cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.

d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, địa phương liên quan rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở trong quá trình triển khai thực hiện.

e) Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phát triển mạng lưới giao thông nhằm thúc đẩy phát triển các dự án nhà ở.

f) Ngân hàng Chính sách xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn phát triển nhà ở xã hội cho các các hộ chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo.

- Thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm của hộ gia đình, cá nhân trong nước để cho các đối tượng xã hội có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi và thời hạn vay dài hạn.

g) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp để có cơ sở lập và triển khai các dự án phát triển nhà ở dành cho công nhân khu công nghiệp.

h) Cục Thuế tỉnh

Phối hợp với Sở xây dựng trong việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quyền hạn được giao.

i) Các Sở, Ban, ngành khác có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan cho các đơn vị được giao chủ trì trong quá trình triển khai thực hiện.

4.2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn quản lý. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà trên địa bàn và gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Rà soát và lựa chọn quỹ đất phù hợp với các quy hoạch liên quan để giới thiệu địa điểm thực hiện các dự án phát triển nhà ở, gửi về Sở Xây dựng tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức cấp phép xây dựng nhà ở tại khu vực đô thị theo phân cấp, đồng thời thực hiện và phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc xây dựng nhà ở sau cấp phép, xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, không phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn theo quy định của pháp luật hiện hành; tổng hợp số liệu về tình hình xây dựng nhà ở khu vực nông thôn do UBND cấp xã báo cáo.

4.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở

- Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện đối với khu đất đầu tư; khẩn trương triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng theo đúng quy định; cân đối nguồn vốn để xây dựng cụ thể lộ trình, tiến độ thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định về lập dự án đầu tư theo quy định.

- Thực hiện báo cáo tiến độ dự án theo định kỳ hoặc đột xuất làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai kế hoạch phát triển nhà ở.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan./.

Phụ lục 01
KHU VỰC, VỊ TRÍ DỰ KIẾN THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ Ở, KHU ĐÔ THỊ NĂM 2021

STT	Nội dung	Diện tích (ha)	Ghi chú
TOÀN TỈNH		3.979,43	
I	TP Thái Nguyên	849,00	
1	Khu vực trung tâm (gồm các phường: Trưng Vương, Túc Duyên, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ, Gia Sàng, Quang Trung, Đồng Quang, Tân Thịnh)	87	
2	Khu vực phía Đông (gồm các phường, xã: Đồng Bầm, Chùa Hang, Cao Ngạn, Linh Sơn, Huống Thượng)	85	
3	Khu vực phía Bắc (gồm các phường, xã: Quang Vinh, Quan Triều, Tân Long, Phúc Hà, Sơn Cẩm)	82	
4	Khu vực phía Tây (gồm các phường, xã: Thịnh Đán, Quyết Thắng, Phúc Xuân, Phúc Triu, Tân Cương, Thịnh Đức)	521	
5	Khu vực phía Nam (gồm các phường, xã: Tân Lập, Tích Lương, Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Cam Giá, Hương Sơn, Đồng Liên)	74	
II	Thành phố Sông Công	1.203,46	
1	Phường Cải Đan	44,14	
2	Phường Phố Cò	47,32	
3	Phường Thắng Lợi	88,97	
4	Phường Lương Sơn	87,84	
5	Phường Châu Sơn	566,88	
6	Phường Bách Quang	115,16	
7	Phường Mỏ Chè	4,88	
8	Xã Tân Quang	170,80	
9	Xã Bá Xuyên	77,47	
III	Thị xã Phổ Yên	500,94	
1	Phường Đồng Tiến	34,00	
2	Xã Tân Hương	38,90	
3	Phường Ba Hàng	49,82	
4	Xã Hồng Tiến	34,24	
5	Xã Tiên Phong	9,98	
6	Phường Bãi Bông	5,00	
7	Xã Đông Cao	34,80	
8	Xã Thành Công	123,00	
9	Xã Nam Tiến	168,20	
10	Xã Đắc Sơn	3,00	
IV	Huyện Đại Từ	426,27	
1	Thị trấn Hùng Sơn	138,69	
2	Xã Ký Phú	13,36	
3	Xã Tiên Hội	65,51	
4	Xã Phú Cường	4,45	
5	Xã Tân Thái	88,27	
6	Xã Hoàng Nông	3,86	
7	Xã Khôi Kỳ	9,92	

STT	Nội dung	Diện tích (ha)	Ghi chú
8	Xã Văn Yên	9,92	
9	Xã Bình Thuận	15,29	
10	Thị trấn Quân Chu	5,60	
11	Xã Quân Chu	3,60	
12	Xã Mỹ Yên	5,65	
13	Xã Minh Tiến	5,39	
14	Xã Yên Lãng	56,76	
V	Huyện Định Hóa	30,96	
1	Thị trấn Chợ Chu	30,96	
VI	Huyện Phú Bình	631,90	
1	Thị trấn Hương Sơn	175,40	
2	Xã Diêm Thụy	87,60	
3	Xã Kha Sơn	65,60	
4	Xã Nga My	159,70	
5	Xã Thượng Đình	34,10	
6	Xã Hà Châu	13,00	
7	Xã Nhã Lộng	9,00	
8	Xã Xuân Phương	8,80	
9	Xã Úc Kỳ	26,20	
10	Xã Tân Kim	9,00	
11	Xã Tân Thành	5,50	
12	Xã Lương Phú	9,00	
13	Xã Tân Đức	14,00	
14	Xã Bàn Đạt	5,00	
15	Xã Tân Khánh	10,00	
VII	Huyện Phú Lương	126,29	
1	Thị trấn Đu	37,26	
2	Xã Tứ Tranh	34,51	
3	Xã Động Đạt	18,50	
4	Xã Yên Đổ	0,40	
5	Xã Phán Mễ	1,00	
6	Xã Yên Lạc	18,50	
7	Xã Ôn Lương	6,77	
8	Xã Phán Mễ	9,35	
VIII	Huyện Đồng Hỷ	170,00	
1	Xã Hoá Thượng	130,00	
2	Xã Minh Lập	40,00	
IX	Huyện Võ Nhai	40,61	
1	Thị trấn Đình Cả	25,27	
2	xã La Hiên	3,90	
3	xã Cúc Đường	9,12	
4	xã Phương Giao	2,32	

Phụ lục 02
KHU VỰC, VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI
NGOÀI QUỸ ĐẤT 20% CỦA CÁC DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI
THỰC HIỆN NĂM 2021

STT	Địa điểm, Khu vực dự kiến phát triển dự án	Diện tích đất (ha)	Ghi chú
I	Huyện Phú Bình	4,2	
1	Khu Nhà ở xã hội Đầm Thụy	4,2	

Phụ lục 03
KHU VỰC, VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN
TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN NĂM 2021

STT	Vị trí dự án, hoặc tên dự án	Diện tích (ha)	Ghi chú
	TOÀN TỈNH	311,71	
I	TP Thái Nguyên	55,00	
1	Khu vực trung tâm (gồm các phường: Trung Vương, Túc Duyên, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ, Gia Sàng, Quang Trung, Đồng Quang, Tân Thịnh)	5,00	
2	Khu vực phía Đông (gồm các phường, xã: Đồng Bẩm, Chùa Hang, Cao Ngạn, Linh Sơn, Huống Thượng)	20,00	
3	Khu vực phía Bắc (gồm các phường, xã: Quang Vinh, Quan Triều, Tân Long, Phúc Hà, Sơn Cẩm)	5,00	
4	Khu vực phía Tây (gồm các phường, xã: Thịnh Đán, Quyết Thắng, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương, Thịnh Đức)	20,00	
5	Khu vực phía Nam (gồm các phường, xã: Tân Lập, Tích Lương, Phú Xá, Trung Thành, Tân Thành, Cam Giá, Hương Sơn, Đồng Liên)	5,00	
II	Thị xã Phổ Yên	101,81	
1	Xã Hồng Tiến	31,50	
2	Xã Nam Tiến	36,00	
3	Xã Đông Cao	15,00	
4	Xã Tân Phú	19,31	
III	Huyện Phú Bình	32,20	
1	Xã Thượng Đình	20,00	
2	Xã Nga My	6,00	
3	Xã Diêm Thụy	6,20	
IV	Thành phố Sông Công	95,66	
1	Phường Lương Sơn	11,70	
2	Phường Bách Quang	2,20	
3	Xã Bá Xuyên	55,76	
4	Xã Tân Quang	26,00	
V	Huyện Đại Từ	27,04	
1	Xã Quân Chu	1,50	
2	Xã Tiên Hội	1,74	
3	Xã Phú Lạc	10,00	
4	Xã Tân Thái	3,00	
5	Xã Ký Phú	0,50	
6	Xã Khôi Kỳ	0,50	
7	TT Quân Chu	1,00	
8	Xã Quân Chu	1,20	
9	Xã Phú Cường	0,50	
10	Xã Mỹ Yên	1,50	
11	Xã Yên Lãng	2,00	
12	TT Hùng Sơn	1,50	
13	Xã Bình Thuận	0,50	
14	Xã Văn Yên	0,80	
15	Xã Phú Thịnh	0,80	

Phụ lục 04
PHÂN BỐ DIỆN TÍCH SÀN HOÀN THÀNH VÀ SỐ CĂN HỘ HOÀN THÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
THEO TỪNG NĂM (2021- 2025)

STT	Loại nhà ở	Giai đoạn 2021-2025		Diện tích sàn hoàn thành					Số căn hộ hoàn thành				
		Diện tích	Số căn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư	2.279.059	15.194	270.486	441.879	537.076	467.549	562.069	1.803	2.945	3.580	3.119	3.747
1	<i>Hoàn thành từ dự án đang xây dựng</i>	1.807.144	12.048	270.486	441.879	395.501	302.379	396.899	1.803	2.945	2.636	2.018	2.646
1.1	Thành phố Thái Nguyên	767.631	5.118	230.289	322.405	214.937			1.535	2.150	1.433		
1.2	Thành phố Sông Công	461.464	3.077		67.829	127.619	133.008	133.008		452	851	887	887
1.3	Thị xã Phổ Yên	358.860	2.391		7.600	8.900	123.920	218.440		51	59	826	1.455
1.4	Huyện Đại Từ	145.500	970	28.300	29.300	29.300	29.300	29.300	189	195	195	196	195
1.5	Huyện Định Hóa	2.812	20				1.406	1.406				10	10
1.6	Huyện Đồng Hỷ	6.192	41		1.548	1.548	1.548	1.548		10	10	11	10
1.7	Huyện Phú Bình	49.345	329	8.829	10.129	10.129	10.129	10.129	59	67	68	67	68
1.8	Huyện Phú Lương	10.795	72	2.159	2.159	2.159	2.159	2.159	14	14	14	15	15
1.9	Huyện Võ Nhai	4.545	30	909	909	909	909	909	6	6	6	6	6
2	<i>Hoàn thành từ dự án phát triển mới</i>	471.915	3.146	0	0	141.575	165.170	165.170	0	0	944	1.101	1.101
2.1	Thành phố Thái Nguyên	110.126	734	0	0	33.038	38.544	38.544			220	257	257
2.2	Thành phố Sông Công	84.472	563			25.342	29.565	29.565			169	197	197
2.3	Thị xã Phổ Yên	137.460	917			41.238	48.111	48.111			275	321	321
2.4	Huyện Đại Từ	36.003	240			10.801	12.601	12.601			72	84	84
2.5	Huyện Định Hóa	12.854	86			3.856	4.499	4.499			26	30	30
2.6	Huyện Đồng Hỷ	47.075	314			14.123	16.476	16.476			94	110	110

STT	Loại nhà ở	Giai đoạn 2021-2025		Diện tích sàn hoàn thành					Số căn hộ hoàn thành				
		Diện tích	Số căn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
2.7	Huyện Phú Bình	15.514	103			4.654	5.430	5.430			31	36	36
2.8	Huyện Phú Lương	10.360	69			3.108	3.626	3.626			21	24	24
2.9	Huyện Võ Nhai	18.051	120			5.415	6.318	6.318			36	42	42
II	Nhà ở xã hội	121.900	1.741	0	0	15.100	76.600	30.200	0	0	216	1.091	434
1	Hoàn thành từ dự án đang xây dựng	46.400	663	0	0	0	46.400	0	-	-	-	663	-
2	Hoàn thành từ dự án phát triển mới	75.500	1.078	0	0	15.100	30.200	30.200	-	-	216	428	434
III	Nhà ở tái định cư	976.881	8.141	105.471	139.709	178.450	259.702	293.550	880	1.166	1.488	2.161	2.446
1	Hoàn thành từ dự án đang xây dựng	806.881	6.724	105.471	139.709	144.450	191.702	225.550	880	1.166	1.204	1.595	1.879
2	Hoàn thành từ dự án phát triển mới	170.000	1.417	0	0	34.000	68.000	68.000	-	-	284	566	567
IV	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	3.184.416	26.419	636.883	636.883	636.883	636.883	636.883	5.283	5.283	5.285	5.285	5.283
1	Trong khu dân cư hiện hữu	3.184.416	26.419	636.883	636.883	636.883	636.883	636.883	5.283	5.283	5.285	5.285	5.283
	TỔNG	6.562.256	51.495	1.012.840	1.218.471	1.367.509	1.440.734	1.522.702	7.966	9.394	10.569	11.656	11.910